

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08/9/2025.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tâm

Ông Hoàng Ngọc Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa (Cơ sở 2) xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 87/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn K, sinh năm 1987. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/8/2025, bản tự khai ngày 14/8/2025 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Đoàn Văn K kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, được UBND xã H, huyện H (Nay là UBND xã H, tỉnh Thanh Hóa) cấp đăng ký kết hôn ngày 22/12/2009. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2023 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K chơi bời, lơ đãng, cờ bạc dẫn tới nợ nần, khi chị khuyên bảo thì anh có hành vi bạo lực với vợ. Tháng 02/2025 chị đã làm đơn ly hôn, Tòa án hòa giải, anh K hứa sửa chữa để vợ chồng đoàn tụ nuôi con, chị đã rút đơn ly hôn. Sau khi rút đơn vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận với nhau được ít hôm

thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không thể hàn gắn quay trở về đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn K.

Về con: Chị và anh Đoàn Văn K có hai con chung là Đoàn Hoàng B, sinh ngày 28/01/2011 và Đoàn Thị Hồng N, sinh ngày 09/02/2016. Hiện tại chị đang làm nghề tự do kinh doanh thu nhập hàng tháng khoảng hơn 10.000.000 đồng đảm bảo có trách nhiệm nuôi dưỡng hai con, hơn nữa cháu Đoàn Hoàng B bị bệnh tự kỷ không tự lo cho mình được cần có sự chăm sóc của người mẹ và sự giúp đỡ của em gái. Nguyên vọng của chị là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, vì hiện nay anh K còn nợ nần nhiều, không có nơi ở và việc làm ổn định, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con,

Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 19/8/2025 bị đơn anh Đoàn Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn do UBND xã H, huyện H cũ, nay là xã H, tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký kết hôn ngày 22/12/2009. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường đến thời gian gần đây thì chị T làm đơn ly hôn, quan điểm của anh không đồng ý ly hôn mà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi con.

Về con: Anh và chị T có hai con chung là Đoàn Hoàng B, sinh ngày 28/01/2011 và Đoàn Thị Hồng N, sinh ngày 09/02/2016. Nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh đề nghị được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của các con chưa thành niên: Cháu Đoàn Hoàng B và Đoàn Thị Hồng N, nếu bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Theo đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn K:

Biên bản xác minh tham khảo ý kiến của cơ quan Nhà nước về gia đình về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng trong vụ án Hôn nhân và Gia đình ngày 15/8/2025 tại xã H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn K có đăng ký kết hôn do UBND xã H, huyện H (N là xã H), tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 22/12/2009. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã H, huyện H (cũ). Đầu năm 2025 chị T đã làm đơn ly hôn anh K, Tòa án đã về địa phương xác minh, nhưng sau đó chị T rút đơn vợ chồng trở về đoàn tụ, nay chị T tiếp tục làm đơn ly hôn anh K, do chị T không gửi đơn đến thôn và xã mà gửi trực tiếp đến Tòa án nhân dân để giải quyết nên chính quyền địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn K có hai con chung là Đoàn Hoàng B, sinh ngày 28/01/2011 (cháu B bị bệnh tự kỷ) và Đoàn Thị Hồng N, sinh ngày 09/02/2016.

Về sự có mặt của chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn K: Hiện tại cả chị T và anh K đang có mặt và sinh sống tại thôn Đ, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Nay chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đoàn Văn K, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đoàn Văn K.

Về con: Giao hai cháu Đoàn Hoàng B và Đoàn Thị Hồng N cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Đoàn Văn K có quyền qua lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Chị T, anh K không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện ly hôn anh Đoàn Văn K có nơi cư trú tại xã H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn K kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được UBND xã H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận

đăng ký kết hôn ngày 22/12/2009, như vậy hôn nhân giữa chị T và anh K là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh K: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh K chơi bời, lơ đãng, nợ nần, bạo hành vợ con nên mâu thuẫn xảy ra ngày càng trầm trọng. Đầu năm 2025 chị T đã làm đơn ly hôn được Tòa án hòa giải chị rút đơn về vợ chồng đoàn tụ nhưng chỉ được mấy hôm mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không thể quay trở về đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đoàn Văn K.

Quá trình Tòa án giải quyết chị T vẫn cương quyết xin ly hôn vì tình cảm giữa chị với anh K thực sự không còn nên có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, anh K không đồng ý ly hôn nhưng không đến tham gia hòa giải và cũng không có biện pháp gì để khắc phục tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh K thực sự cũng không còn, mâu thuẫn giữa chị T và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh K là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay.

[3] Về con: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn K có hai con chung là Đoàn Hoàng B, sinh ngày 28/01/2011 và Đoàn Thị Hồng N, sinh ngày 09/02/2016.

Chị T và anh K đều có nguyện vọng nuôi cả hai con, nhưng lâu nay các cháu đều đang ở với chị T từ khi vợ chồng sống ly thân, nguyện vọng của các cháu đều mong muốn ở với mẹ, hơn nữa cháu N là con gái, cháu B bị bệnh tự kỷ không tự chăm lo cho mình được cần có sự chăm sóc của người mẹ và giúp đỡ của em gái. Để không xáo trộn cuộc sống cũng như việc học tập của các cháu, nên chấp nhận nguyện vọng của chị T. Giao hai cháu B và N cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị T, anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tố tụng: Anh Đoàn Văn K có đơn từ chối tham gia hòa giải và xin xét xử vắng mặt, chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào Điều 207; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đoàn Văn K.

Về con: Chị Nguyễn Thị T và anh Đoàn Văn K có hai con chung là Đoàn Hoàng B, sinh ngày 28/01/2011 và Đoàn Thị Hồng N, sinh ngày 09/02/2016.

Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu Đoàn Hoàng B và Đoàn Thị Hồng N. Anh Đoàn Văn K có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00040178 ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. (Chị T đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đoàn Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Khu vực 4- Thanh Hóa
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký)

Cao Thị Nga

